

Số: /2026/QĐ-UBND
(Dự thảo 1)

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 và Thông tư số 09/2025/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các chủ đầu tư, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&QLXLVPHC);
- Thường trực: TU, HĐND, UBND thành phố;
- UBMTTQVN và các đoàn thể thành phố;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Công báo thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

- Luru: VT. XDĐT

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy về quản lý chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan việc phát sinh chất thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải, khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển chất thải rắn sinh hoạt sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn.

2. Bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt là địa điểm được quy hoạch và thiết kế kỹ thuật phù hợp theo quy định để xử lý rác thải sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp.

3. Nước thải từ bãi chôn lấp chất thải là nước thải phát sinh từ các bãi chôn lấp chất thải.

4. Nguồn tiếp nhận nước thải là hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư; sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; hồ, ao, đầm; vùng nước biển ven bờ có mục đích sử dụng xác định.

Điều 4. Yêu cầu chung về quản lý chất thải

1. Chất thải phát sinh phải được quản lý, giảm thiểu, phân loại, thu gom, lưu trữ, trung chuyển, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng, xử lý bảo đảm đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp về tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo và sản phẩm, nguyên liệu, năng lượng sạch thân thiện với môi trường; sản xuất

sạch hơn và các biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải; phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý.

3. Lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phải bảo đảm đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan; khuyến khích xã hội hóa trong công tác thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng, xử lý chất thải.

4. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải có nghĩa vụ đóng góp tài chính theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Điều 5. Quản lý nước thải tại khu đô thị, dân cư tập trung

1. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung hiện hữu đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung được quy định như sau:

a) Nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý qua bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, khu dân cư tập trung tại điểm đầu nối;

b) Nước thải khác phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung; nước thải sau khi xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ. Trường hợp chưa có quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ thì áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia theo loại hình, tính chất nước thải tương ứng.

2. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung hiện hữu chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung và tại khu dân cư không tập trung được quy định như sau:

a) Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức (không bao gồm cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ), hộ gia đình trong khu đô thị, khu dân cư tập trung chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu đô thị, khu dân cư tập trung; Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý bằng công trình xử lý nước thải tại chỗ đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận;

b) Nước thải phát sinh từ hộ gia đình có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia

theo loại hình, tính chất nước thải tương ứng trước khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

3. Quản lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư chuẩn bị đầu tư.

Chủ đầu tư các khu đô thị, khu dân cư tập trung phải bố trí quỹ đất để đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định

4. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và yêu cầu của nguồn tiếp nhận.

Điều 6. Quản lý nước thải tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

1. Các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải đáp ứng hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 15, 16; Điều 1 Luật 146/2025.QH15; Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được bổ sung bởi Điều 19 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có trách nhiệm đầu tư xử lý nước thải theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Điều 7. Quản lý nước thải tại dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đảm bảo đáp ứng quy chuẩn nước thải của loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ và yêu cầu của nguồn tiếp nhận.

Điều 8. Quản lý và kiểm soát bụi, khí thải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

2. Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị hoạt động trong phạm vi cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc tại công trình xây dựng có phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải tại chỗ đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận theo quy định của loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và yêu cầu của nguồn tiếp nhận.

Điều 9. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

1. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý phù hợp với điều kiện trên địa bàn thành phố và được cấp thẩm quyền quy định. Khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt.

2. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại khu đô thị, khu dân cư:

a) Khu đô thị, khu dân cư tập trung phải được bố trí thiết bị, phương tiện, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu đô thị, khu dân cư tập trung.

b) Khu dân cư, cụm dân cư phân tán phải có địa điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định.

3. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt nơi công cộng:

a) Trên các đường phố chính, các khu thương mại, quảng trường, công viên, khu vui chơi giải trí, điểm tập trung dân cư, đầu mối giao thông và các khu vực công cộng khác có bố trí các thùng rác công cộng có phân loại và dán nhãn để người dân nhận biết, phân loại.

b) Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ, khối lượng và tần suất thu gom, đảm bảo môi trường và mỹ quan đô thị.

4. Chuyển giao, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được đặt, để bao bì có chứa chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí phù hợp cho việc thu gom của cơ sở thu gom chất thải rắn sinh hoạt trong khoảng thời gian từ 18 giờ 00 đến 24 giờ 00 vào các ngày theo hướng dẫn hoặc theo phương án thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời điểm thu gom đến tránh thời điểm mật độ người và phương tiện tham gia giao thông lớn. Tần suất thu gom thiểu 02 ngày/01 lần.

Cơ sở dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố, hướng dẫn cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện.

Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì việc tập kết chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Điểm tập kết chất thải sinh hoạt phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường và được Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn, bố trí phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Các phương tiện chuyên dụng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.

- Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và phải đáp ứng các yêu cầu quy định như không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ, không được ngấm, rò rỉ nước rác, phát tán chất thải rắn sinh hoạt do gió.

- Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm trên tuyến đường, thời gian theo quy định của cơ quan thẩm quyền quy định về tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Việc vận chuyển chất thải công kênh trên các phương tiện thu gom, vận chuyển phải đáp ứng quy định về kích thước hàng hóa trên xe theo quy định về giao thông vận tải.

b) Cơ sở dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đồng bộ các phương tiện, trang thiết bị phù hợp với việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ dân đến địa điểm tập kết, trung chuyển và cơ sở xử lý.

c) Tần suất thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết, trung chuyển đến cơ sở xử lý tối thiểu 02 ngày/01 lần.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh khối lượng dưới 300kg/ngày trên địa bàn bảo đảm theo quy định; thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển theo nguyên tắc cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải có nghĩa vụ đóng góp tài chính và có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương.

đ) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt từ 300kg/ngày trở lên tự lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; chi trả hoàn toàn cho công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng phát sinh, theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ.

6. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý tại các cơ sở được cơ quan có thẩm quyền cấp phép bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

b) Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền) hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp) lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh khối lượng dưới 300kg/ngày trên địa bàn bảo đảm theo quy định; thanh toán chi phí xử lý theo nguyên tắc cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được sử dụng dịch vụ xử lý có nghĩa vụ đóng góp tài chính và có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương.

nhân được sử dụng dịch vụ xử lý chất thải có nghĩa vụ đóng góp tài chính và có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương.

c) Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt từ 300kg/ngày trở lên tự lựa chọn cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chi trả hoàn toàn cho công tác xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng phát sinh, theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ.

Điều 10. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

1. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại tại nguồn để thuận lợi cho việc tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý. Việc phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát được phân loại, tách riêng không để và lẫn vào nhau. Trường hợp Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát không được phân loại, tách riêng thì phải quản lý như chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát. Trường hợp chất thải chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì phải được quản lý như chất thải nguy hại.

c) Việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường do chủ nguồn thải thực hiện, đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được thu gom, vận chuyển, xử lý đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý bảo đảm trên tuyến đường, thời gian theo quy định của cơ quan thẩm quyền quy định về tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

c) Chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường tự tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý khi đáp ứng yêu cầu theo quy định. Trường hợp không có khả năng tự tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phải chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý phù hợp. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất phải quản lý và tuân thủ quy định pháp luật về sản phẩm, hàng hóa.

Điều 11. Quản lý chất thải nguy hại

1. Phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại

a) Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm khai báo, phân loại, phân định, lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh. Việc phân loại, phân định, lưu giữ chất thải nguy hại thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát cần phải áp dụng ngưỡng nguy hại của chất thải theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hay chất thải rắn công nghiệp thông thường để quản lý theo quy định.

2. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại

a) Chất thải nguy hại phải được thu gom, vận chuyển, xử lý đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Việc vận chuyển chất thải nguy hại bảo đảm trên tuyến đường, thời gian theo quy định của cơ quan thẩm quyền quy định về tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND ngày 23/01/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

c) Chủ nguồn thải tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng khi đáp ứng yêu cầu theo quy định. Trường hợp không có khả năng tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng phải chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý phù hợp.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a). Chủ trì, tổ chức quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Cần Thơ và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ về mặt quản lý nhà nước đối với hoạt động liên quan đến lĩnh vực quản lý chất thải trên địa bàn Thành phố Cần Thơ.

b) Chủ trì phối hợp với các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, Sở Tài chính, các Sở ngành liên quan thẩm định phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại, kể cả chi phí bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

c). Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai các quy định trong lĩnh vực quản lý chất thải theo thẩm quyền.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, định hướng điều chỉnh, cập nhật các cơ sở xử lý, khu xử lý chất thải tập trung đáp ứng được khối lượng chất thải phát sinh trên địa bàn thành phố vào Quy hoạch thành phố

b) Hướng dẫn việc lập, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch xây dựng các khu xử lý; công tác thẩm định thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng, kiểm tra việc đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa bàn theo quy định.

c) Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, phường trong việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương, hướng dẫn việc đầu tư xây dựng các trạm trung chuyển đảm bảo đúng quy định, quy chuẩn; thực hiện thỏa thuận việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lắp đặt các thiết bị giám sát hành trình, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và phù hiệu chạy xe; tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát trong quá trình hoạt động của phương tiện.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan về cơ chế tài chính đối với các dự án đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt có sử dụng nguồn vốn ngân sách.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực đầu tư đối với các dự án đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài nằm ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố.

d) Trên cơ sở danh mục đầu tư công do các sở, ngành và địa phương, đơn vị đề xuất; Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về chủ trương đầu tư, khả năng cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công theo quy định để hỗ trợ đầu tư cho các chương trình, dự án đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

đ) Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục các dự án đầu tư thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư theo quy định.

4. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

a). Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, các giải pháp xử lý môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, xử lý chất thải rắn.

b) Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

c). Tăng cường chỉ đạo các cơ quan truyền thông, thông tấn báo chí trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc thực hiện hiệu quả công tác quản lý, vận hành hệ thống thông tin môi trường cấp tỉnh, bảo đảm tích hợp, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

5. Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp

a) Hướng dẫn chủ nguồn thải trong việc quản lý các loại chất thải trong các khu công nghiệp theo quy định.

b) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở kinh doanh hạ tầng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các khu công nghiệp, khu kinh tế nhằm phát hiện kịp thời vi phạm và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Các sở, ban, ngành khác

a) Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải theo đúng quy định này và các Quy định của pháp luật khác có liên quan.

b) Thực hiện nghiêm các Quy định về phân loại chất thải theo quy định này trong phạm vi của đơn vị.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình

Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin phản ánh kịp thời tình hình triển khai thực hiện quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố tuyên truyền về bảo vệ môi trường nói chung và quản lý chất thải nói riêng tại địa phương; kịp thời phát hiện các tổ chức, cá nhân, mô hình hay, điển hình và thiết thực để phổ biến, tuyên truyền nhân rộng.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất thải trên địa bàn. Xây dựng, ban hành kế hoạch hoặc phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với tình hình phát sinh và thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt của địa phương.

2. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn quản lý các loại chất thải phát sinh theo quy định.

3. Công bố rộng rãi số điện thoại “đường dây nóng” lĩnh vực môi trường của địa phương để người dân được biết và phản ánh các vấn đề về môi trường; tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt trong phạm vi quyền hạn của mình hoặc chuyển đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện thỏa thuận việc bố trí hệ thống các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trước khi phê duyệt; bố trí

kinh phí đầu tư trang thiết bị công cộng phục vụ quản lý bảo vệ môi trường và chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng công trình, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

5. Giám sát và tổng hợp các chỉ tiêu về tỷ lệ phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn trong năm; định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 12 hằng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

6. Thông báo số điện thoại, thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết, chủ động liên hệ, chuyển giao khi phát sinh chất thải rắn công kênh trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân không tìm được đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý.

7. Tổ chức quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn bao gồm: Quét, thu gom chất thải đường phố; thu gom, vệ sinh thùng rác công cộng; thu gom từ hộ gia đình đến trạm trung chuyển; từ trạm trung chuyển vận chuyển về tổ chức, cá nhân xử lý và vận hành các trạm trung chuyển trên địa bàn.

8. Tổ chức lựa chọn cơ sở cung ứng dịch vụ công tại khoản 17 Điều này theo quy định thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

9. Xác định vị trí, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

10. Dự toán, bố trí kinh phí cho hoạt động phân loại thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt hằng năm trên địa bàn.

11. Kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng, nghiệm thu và thanh toán khối lượng công việc theo đúng quy định hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này. Tổng hợp, báo cáo quản lý chất thải theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

Điều 15. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới./.